

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-33



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 04 3898 6000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó Chủ tịch thường trực
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thơm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

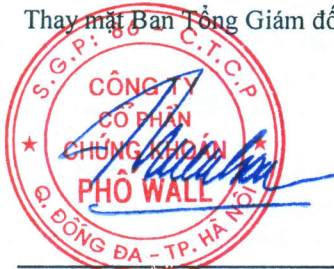
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Bằng các thủ tục soát xét đối với báo cáo tài chính 6 tháng 2015, chúng tôi nhận thấy, Công ty đã nhận lệnh đặt mua chứng khoán của khách hàng khi khách hàng chưa đủ tiền theo quy định. Vấn đề này đã được Ủy ban chứng khoán kiểm tra, nhắc nhở và ngày 05/01/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0937-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		428.427.310.898	441.215.547.532
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53.916.924.237	55.481.122.933
111	1. Tiền		37.516.924.237	16.181.122.933
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.400.000.000	39.300.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	355.705.594.700	367.721.048.798
121	1. Đầu tư ngắn hạn		366.971.147.704	374.003.432.965
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(11.265.553.004)	(6.282.384.167)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	6.190.183.925	5.302.289.271
131	1. Phải thu của khách hàng		3.400.541.110	50.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		197.025.313	75.879.850
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.881.735.139	4.943.150.417
138	5. Các khoản phải thu khác		745.882.363	268.259.004
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(35.000.000)	(35.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.614.608.036	12.711.086.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	337.361.068	5.189.392
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		242.958.208	640.265.378
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	11.830.431.760	11.830.431.760
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	203.857.000	235.200.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		121.417.414.586	93.241.457.240
220	II. Tài sản cố định		1.873.067.270	2.334.513.080
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.819.039.492	2.266.318.636
222	- Nguyên giá		11.052.175.078	11.052.175.078
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.233.135.586)	(8.785.856.442)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	54.027.778	68.194.444
228	- Nguyên giá		2.350.299.300	2.350.299.300
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.296.271.522)	(2.282.104.856)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	102.752.510.181	74.121.639.695
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		88.780.308.432	59.201.324.257
258	4. Đầu tư dài hạn khác		14.000.000.000	14.950.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(27.798.251)	(29.684.562)
260	V. Tài sản dài hạn khác		16.791.837.135	16.785.304.465
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	13.481.403.627	14.017.880.348
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	3.050.454.883	2.507.445.492
268	4. Tài sản dài hạn khác		259.978.625	259.978.625
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		549.844.725.484	534.457.004.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

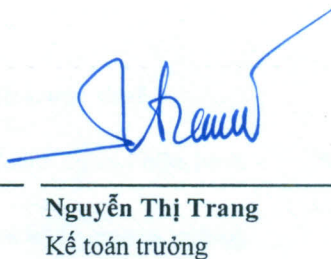
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		21.486.025.325	14.415.562.399
310	I. Nợ ngắn hạn		21.396.025.325	14.325.562.399
312	2. Phải trả người bán		587.269.903	166.848.329
313	3. Người mua trả tiền trước		554.545.454	505.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	258.482.674	327.522.758
315	5. Phải trả người lao động		605.569.997	57.699.097
316	6. Chi phí phải trả	16	126.346.973	114.224.408
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	18.739.393.390	8.045.869.510
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	-	386.674.063
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.970.400	62.700
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		50.015.000	4.237.530.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		472.431.534	484.131.534
330	II. Nợ dài hạn		90.000.000	90.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		90.000.000	90.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		528.358.700.159	520.041.442.373
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	528.358.700.159	520.041.442.373
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	8.353.605.115
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.005.095.044	8.687.837.258
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		549.844.725.484	534.457.004.772

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
005	5. Ngoại tệ các loại			
	- EUR		85,30	90,74
	- USD		806,96	25.847,25
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.097.678.670.000	1.171.822.500.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		880.229.390.000	954.658.820.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		96.649.920.000	197.813.640.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		774.468.070.000	752.095.260.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		9.111.400.000	4.749.920.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		130.281.600.000	130.281.600.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		130.281.600.000	130.281.600.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		75.729.880.000	75.729.880.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		75.729.880.000	75.729.880.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		11.437.800.000	11.152.200.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		11.437.800.000	11.152.200.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		2.927.070.000	12.174.150.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		2.927.070.000	12.172.150.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		330.000	100.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.891.100.000	12.132.050.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		35.640.000	40.000.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	2.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	2.000.000


Đỗ Thị Sâm
Người lập


Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	25.557.308.722	18.191.815.942
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		3.429.531.343	3.971.601.802
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		12.895.756.738	6.621.265.199
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		3.641.363.638	291.818.183
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		246.952.558	150.000
01.9	Doanh thu khác		5.343.704.445	7.306.980.758
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		25.557.308.722	18.191.815.942
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	11.905.494.888	21.960.564.570
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		13.651.813.834	(3.768.748.628)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.257.096.148	4.254.096.274
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.394.717.686	(8.022.844.902)
31	8. Thu nhập khác		180.000.000	180.000.000
32	9. Chi phí khác		257.459.900	22.459.893
40	10. Lợi nhuận khác		(77.459.900)	157.540.107
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.317.257.786	(7.865.304.795)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.317.257.786	(7.865.304.795)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	165	(156)


Đỗ Thị Sâm
Người lập


Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng


Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		172.600.368.692	5.733.721.714
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(32.833.793.247)	(3.168.552.794)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(543.009.391)	-
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		447.451.556.942	880.437.054.517
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(507.229.460.898)	(972.570.610.790)
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành		207.549.388.000	11.715.475.000
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(211.736.903.000)	(11.715.475.000)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.610.210.793)	(1.977.989.044)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(2.751.633.179)	(2.436.511.571)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		-	(10.388.889)
14	12. Tiền thu khác		362.948.062.975	201.206.071.239
15	13. Tiền chi khác		(286.561.440.691)	(168.953.721.212)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		145.282.925.410	(61.740.926.830)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(50.000.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(260.200.000.000)	(336.920.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		128.401.520.000	365.100.353.451
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(51.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.371.015.825	9.873.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.581.517.757	10.200.140.351
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(146.845.946.418)	48.203.493.802
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	3.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(3.500.000.000)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		(1.563.021.008)	(13.537.433.028)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

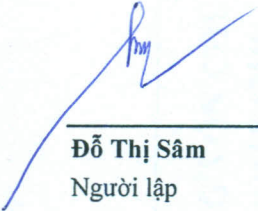


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		55.481.122.933	50.019.910.999
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.177.688)	6.604.344
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>53.916.924.237</u>	<u>36.489.082.315</u>


Đỗ Thị Sâm
Người lập
Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng
Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 tháng đầu năm 2015	Thuyết minh	01/01/2015 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2015 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.687.837.258	8.317.257.786	-	17.005.095.044
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	520.041.442.373	8.317.257.786	-	528.358.700.159

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(417.374.197)	(7.865.304.795)	-	(8.282.678.992)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	510.936.230.918	(7.865.304.795)	-	503.070.926.123

Đỗ Thị Sâm
Người lập

Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng

Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/ UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/ TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải , truyền dẫn	06	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.15 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	15.148.750	190.094.889.000
- Cổ phiếu	15.148.750	190.094.889.000
Của người đầu tư	114.458.518	1.509.923.827.500
- Cổ phiếu	114.458.518	1.509.923.827.500
	129.607.268	1.700.018.716.500

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền	37.516.924.237	16.181.122.933
Tiền mặt tại quỹ	98.334.569	138.537.357
Tiền gửi ngân hàng	19.832.375.211	9.138.482.162
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	17.586.214.457	6.904.103.414
Các khoản tương đương tiền (*)	16.400.000.000	39.300.000.000
	53.916.924.237	55.481.122.933

(*): Tại ngày 30/06/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	9.665.025	19.875.535	116.471.147.704	255.301.912.965	19.119.800	5.129.335.702	(11.265.553.004)	(6.282.384.167)	105.224.714.500	254.148.864.500
Chứng khoán niêm yết	9.664.982	19.875.492	116.470.487.704	255.301.252.965	19.116.800	5.129.335.702	(11.265.553.004)	(6.282.367.167)	105.224.051.500	254.148.221.500
- APC	66.560	36.560	1.222.030.000	671.080.000	-	-	(3.982.000)	(27.624.000)	1.218.048.000	643.456.000
- ASM	590.000	590.000	5.842.185.000	5.842.185.000	-	-	(945.185.000)	(768.185.000)	4.897.000.000	5.074.000.000
- BGM	235.000	235.000	1.280.000.000	1.280.000.000	-	-	(622.000.000)	(222.500.000)	658.000.000	1.057.500.000
- BVH	20.000	20.000	801.000.000	801.000.000	19.000.000	-	-	(161.000.000)	820.000.000	640.000.000
- DIC	6.650	6.641	66.895.890	66.805.890	-	-	(11.035.890)	(8.365.090)	55.860.000	58.440.800
- DPM	19.000	20.000	632.700.000	618.000.000	-	-	(68.400.000)	(2.000.000)	564.300.000	616.000.000
- FLC	100.000	-	950.000.000	-	-	-	(90.000.000)	-	860.000.000	-
- FIT	130.000	100.000	1.757.325.215	2.652.640.000	-	-	(93.325.215)	(342.640.000)	1.664.000.000	2.310.000.000
- GTN	-	50.000	-	720.000.000	-	-	-	(80.000.000)	-	640.000.000
- HAI	432.390	188.256	6.576.230.943	4.341.734.136	-	-	(2.511.764.943)	(1.536.719.736)	4.064.466.000	2.805.014.400
- HTI	7	7	108.500	108.500	51.100	13.300	-	-	159.600	121.800
- ITC	15	15	480.000	480.000	-	-	(360.000)	(367.500)	120.000	112.500
- KLF	141.700	100.000	1.633.965.000	1.312.965.000	-	-	(656.235.000)	(202.965.000)	977.730.000	1.110.000.000
- MBB	-	53.760	-	603.774.400	-	100.481.600	-	-	-	704.256.000
- OGC	60.000	60.000	554.400.000	554.400.000	-	-	(392.400.000)	(128.400.000)	162.000.000	426.000.000
- PET	100.000	100.000	2.378.000.000	2.378.000.000	-	-	(648.000.000)	(308.000.000)	1.730.000.000	2.070.000.000
- PGC	30.000	30.000	458.000.000	458.000.000	-	-	(32.000.000)	(50.000.000)	426.000.000	408.000.000
- PHH	802.800	802.800	6.021.000.000	6.021.000.000	-	-	(1.204.200.000)	(1.043.640.000)	4.816.800.000	4.977.360.000
- PIT	6	6	68.000	68.000	-	-	(20.000)	(21.200)	48.000	46.800
- PLC	-	14.000	-	451.717.843	-	-	-	(31.717.843)	-	420.000.000
- PVB	-	63.700	-	2.507.650.000	-	295.150.000	-	-	-	2.802.800.000
- PVC	20.000	20.000	602.160.000	602.160.000	-	-	(60.160.000)	(100.160.000)	542.000.000	502.000.000
- PVL	170.000	170.000	646.000.000	646.000.000	-	-	(187.000.000)	(68.000.000)	459.000.000	578.000.000
- PVS	100.000	100.000	3.449.090.000	3.449.090.000	-	-	(759.090.000)	(759.090.000)	2.690.000.000	2.690.000.000
- PVX	50.000	50.000	310.000.000	310.000.000	-	-	(110.000.000)	(70.000.000)	200.000.000	240.000.000
- PXS	100.000	100.000	2.462.000.000	2.462.000.000	-	-	(182.000.000)	(182.000.000)	2.280.000.000	2.280.000.000
- REE	4	4	121.189	121.189	-	-	(13.589)	(8.389)	107.600	112.800
- SAM	6.287.277	16.799.170	75.611.020.058	213.655.565.098	-	4.733.644.902	(2.049.879.158)	-	73.561.140.900	218.389.210.000
- SFC	2	2	93.000	93.000	-	-	(43.000)	(39.000)	50.000	54.000
- SHB	8.000	-	72.000.000	-	-	-	(6.400.000)	-	65.600.000	-
- SHS	100.000	100.000	1.185.000.000	1.185.000.000	-	-	(375.000.000)	(125.000.000)	810.000.000	1.060.000.000
- SIS	65.560	65.560	1.709.466.009	1.709.466.009	-	-	(254.034.009)	(63.910.009)	1.455.432.000	1.645.556.000
- TCM	2	2	35.800	35.800	32.400	28.200	-	-	68.200	64.000
- TCR	6	6	52.800	52.800	-	-	(25.200)	(14.400)	27.600	38.400
- TNA	3	3	60.300	60.300	33.300	17.700	-	-	93.600	78.000

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- VIS	30.000	-	249.000.000	-	-	-	(3.000.000)	-	246.000.000	-
Chứng khoán Upcom	10	10	147.000	147.000	3.000	-	-	(17.000)	150.000	130.000
- HBD	10	10	147.000	147.000	3.000	-	-	(17.000)	150.000	130.000
Chứng khoán khác	33	33	513.000	513.000	-	-	-	-	513.000	513.000
- CIC	33	33	513.000	513.000	-	-	-	-	513.000	513.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	250.500.000.000	118.701.520.000	-	-	-	-	250.500.000.000	118.701.520.000
- Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (*)	-	-	250.500.000.000	118.701.520.000	-	-	-	-	250.500.000.000	118.701.520.000
	9.665.025	19.875.535	366.971.147.704	374.003.432.965	19.119.800	5.129.335.702	(11.265.553.004)	(6.282.384.167)	355.724.714.500	372.850.384.500

(*) Các hợp đồng tiền gửi tại với Ngân hàng TMCP Bắc Á kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 6,1%/năm đến 6,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2015			Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phải thu của khách hàng	50.000.000	-	50.000.000	3.560.541.110	210.000.000	3.400.541.110	-	50.000.000	(35.000.000)
- Công ty CP May Đức Giang	-	-	-	3.244.430.000	-	3.244.430.000	-	-	-
- Phạm Thị Lợi	-	-	-	7.222.222	-	7.222.222	-	-	-
- Trần Đình Tùng	-	-	-	7.222.222	-	7.222.222	-	-	-
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	50.000.000	-	50.000.000	280.000.000	210.000.000	120.000.000	-	50.000.000	(35.000.000)
- Nguyễn Đình Tú	-	-	-	14.444.444	-	14.444.444	-	-	-
- Phạm Đức Long	-	-	-	7.222.222	-	7.222.222	-	-	-
Trả trước cho người bán	75.879.850	-	-	248.745.463	127.600.000	197.025.313	-	-	-
- Công ty TNHH Moda Việt Nam	75.879.850	-	-	51.720.150	127.600.000	-	-	-	-
- Công ty CP du lịch Khách sạn Hải Đăng	-	-	-	196.620.000	-	196.620.000	-	-	-
- Đỗ Việt Thắng	-	-	-	132.037	-	132.037	-	-	-
- Phạm Hải Hà	-	-	-	268.749	-	268.749	-	-	-
- Nguyễn Thị Thu Hương	-	-	-	4.527	-	4.527	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.943.150.417	-	-	119.312.436.217	122.373.851.495	1.881.735.139	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch CK	4.943.150.417	-	-	119.312.436.217	122.373.851.495	1.881.735.139	-	-	-
Các khoản phải thu khác	268.259.004	-	-	10.580.983.362	10.103.360.003	745.882.363	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	263.676.108	-	-	5.062.271.968	4.597.256.965	728.691.111	-	-	-
- Phải thu khác	4.582.896	-	-	5.518.711.394	5.506.103.038	17.191.252	-	-	-
	5.337.289.271	-	50.000.000	133.702.706.152	132.814.811.498	6.225.183.925	-	50.000.000	(35.000.000)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	5.189.392	29.030.931
Tăng trong kỳ	625.747.000	512.340.909
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(293.575.324)	(279.121.317)
Tại ngày cuối kỳ	337.361.068	262.250.523

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.012.750	5.189.392
Chi phí đồng phục chờ phân bổ	77.333.332	
Phí cung cấp thông tin Sở GD&ĐT Hà Nội, Hồ Chí Minh	81.000.000	
Phí quản lý thành viên Sở GD&ĐT Hà Nội, Hồ Chí Minh & TTLK	39.999.998	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	125.014.988	
	337.361.068	5.189.392

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	11.830.431.760	11.830.431.760

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	203.857.000	235.200.000
	203.857.000	235.200.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	3.658.371.491	4.706.921.952	2.686.881.635	11.052.175.078
Tại ngày 30/06/2015	<u>3.658.371.491</u>	<u>4.706.921.952</u>	<u>2.686.881.635</u>	<u>11.052.175.078</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	3.524.502.807	2.574.472.000	2.686.881.635	8.785.856.442
Trích khấu hao	55.035.648	392.243.496	-	447.279.144
Tại ngày 30/06/2015	<u>3.579.538.455</u>	<u>2.966.715.496</u>	<u>2.686.881.635</u>	<u>9.233.135.586</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	133.868.684	2.132.449.952	-	2.266.318.636
Tại ngày 30/06/2015	<u>78.833.036</u>	<u>1.740.206.456</u>	<u>-</u>	<u>1.819.039.492</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.584.573.943 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán... có nguyên giá tại ngày 30/06/2015 là 2.350.299.300 đồng, hao mòn lũy kế tại 30/06/2015 là 2.296.271.522 đồng, trong đó khấu hao từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 là 14.166.666 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			88.780.308.432	59.201.324.257	-	-	-	-	88.780.308.432	59.201.324.257
Chứng khoán chưa niêm yết			88.780.308.432	59.201.324.257	-	-	-	-	88.780.308.432	59.201.324.257
- Công ty Cổ phần Điện máy	100.000	200.000	3.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	3.000.000.000	6.000.000.000
- Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	926.980	926.980	25.569.800.000	25.569.800.000	-	-	-	-	25.569.800.000	25.569.800.000
- Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm vạc	39.195	117.585	9.210.508.432	27.631.524.257	-	-	-	-	9.210.508.432	27.631.524.257
- Công ty CP Thực phẩm Hà nội	1.700.000	-	51.000.000.000	-	-	-	-	-	51.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác			14.000.000.000	14.950.000.000	-	-	(27.798.251)	(29.684.562)	13.972.201.749	14.920.315.438
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	1.400.000	1.495.000	14.000.000.000	14.950.000.000	-	-	(27.798.251)	(29.684.562)	13.972.201.749	14.920.315.438
			102.780.308.432	74.151.324.257	-	-	(27.798.251)	(29.684.562)	102.752.510.181	74.121.639.695

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối kỳ Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	14.017.880.348	15.616.536.729
Tăng trong kỳ	154.677.636	7.493.636
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(691.154.357)	(918.855.973)
Tại ngày cuối kỳ	13.481.403.627	14.705.174.392
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	13.090.909.084	13.321.925.128
Chi phí sửa chữa tầng 9 tòa nhà ICON 4	232.720.085	682.620.528
Chi phí trả trước dài hạn khác	157.774.458	13.334.693
	13.481.403.627	14.017.880.348

(*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 15/10/2043 thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.863.956.667
Tiền nộp bổ sung	604.423.692	61.414.301
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	582.074.524	582.074.524
Số dư cuối kỳ	3.050.454.883	2.507.445.492

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	258.482.674	327.522.758
	258.482.674	327.522.758

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON4	61.854.545	61.854.545
Chi phí phải trả khác	64.492.428	52.369.863
	<u>126.346.973</u>	<u>114.224.408</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	43.362.055	34.707.240
Bảo hiểm y tế	7.596.360	5.855.580
Bảo hiểm thất nghiệp	3.376.160	2.602.480
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	17.586.214.457	6.904.103.414
Cổ tức phải trả cổ đông	1.098.600.796	1.098.600.796
Phải trả, phải nộp khác	243.562	
	<u>18.739.393.390</u>	<u>8.045.869.510</u>

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	-	386.674.063
	<u>-</u>	<u>386.674.063</u>

0100
CỔ
TRÁCH N
HÃNG
A
KHOẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

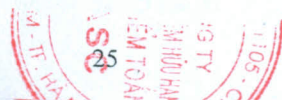
19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	503.000.000.000	8.353.605.115	(417.374.197)	510.936.230.918
Lỗ trong kỳ	-	-	(7.865.304.795)	(7.865.304.795)
Tại ngày 30/06/2014	503.000.000.000	8.353.605.115	(8.282.678.992)	503.070.926.123
Tại ngày 01/01/2015	503.000.000.000	8.353.605.115	8.687.837.258	520.041.442.373
Lãi trong kỳ	-	-	8.317.257.786	8.317.257.786
Tại ngày 30/06/2015	503.000.000.000	8.353.605.115	17.005.095.044	528.358.700.159

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Đình Tú	113.000.000.000	22,50%	112.973.800.000	22,10%
Bà Phạm Diễm Hoa	28.200.000.000	5,60%	8.050.000.000	1,60%
Vốn góp của cổ đông khác	361.800.000.000	71,90%	390.026.200.000	76,30%
	503.000.000.000	100,00%	511.050.000.000	100,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	503.000.000.000	503.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu	25.557.308.722	18.191.815.942
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.429.531.343	3.971.601.802
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	12.895.756.738	6.621.265.199
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.641.363.638	291.818.183
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	246.952.558	150.000
- Doanh thu khác	5.343.704.445	7.306.980.758
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	25.557.308.722	18.191.815.942

21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.600.323.078	2.001.272.761
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.934.572.524	891.246.208
Chi phí hoạt động tư vấn	193.931.998	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	106.879.434	25.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	4.981.282.526	17.857.507.146
Chi phí khác	4.708.810	10.388.889
Chi phí trực tiếp chung	2.083.796.518	1.200.124.566
	11.905.494.888	21.960.564.570

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.918.048.594	1.246.431.926
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	531.666.458	576.743.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.128.030	339.390.354
Thuế, phí và lệ phí	221.027.067	18.559.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.337.221	1.762.160.809
Chi phí khác bằng tiền	1.032.888.778	310.810.034
	5.257.096.148	4.254.096.274

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.317.257.786	(7.865.304.795)
Các khoản điều chỉnh tăng	276.135.083	-
- Chi phí khấu hao xe ô tô Mercedes Ben S500 trên 1,6 tỷ	120.224.083	-
- Chi phí có hóa đơn không hợp lý, hợp lệ	20.911.000	-
- Ủng hộ Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam	10.000.000	-
- Chi phí phạt hành chính	125.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.889.535.013)	(10.061.488.335)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.173.706.300)	(4.132.028.167)
- Chuyển lỗ các năm trước	(715.828.713)	(5.929.460.168)
Tổng thu nhập tính thuế	(4.296.142.144)	(17.926.793.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.317.257.786	(7.865.304.795)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.317.257.786	(7.865.304.795)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.300.000	50.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	165	(156)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.916.924.237	-	55.481.122.933	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	6.028.158.612	(35.000.000)	5.261.409.421	(35.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	116.471.147.704	(11.265.553.004)	255.301.912.965	(6.282.384.167)
Cho vay ngắn hạn	250.500.000.000	-	118.701.520.000	-
Đầu tư dài hạn	102.780.308.432	(27.798.251)	74.151.324.257	(29.684.562)
	529.696.538.985	(11.328.351.255)	508.897.289.576	(6.347.068.729)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	19.416.663.293	8.689.391.902
Chi phí phải trả	126.346.973	114.224.408
	19.543.010.266	8.803.616.310

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLTầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.916.924.237	-	-	53.916.924.237
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	5.993.158.612	-	-	5.993.158.612
Đầu tư ngắn hạn	105.205.594.700	-	-	105.205.594.700
Cho vay ngắn	250.500.000.000	-	-	250.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	102.752.510.181	102.752.510.181
	415.615.677.549	-	102.752.510.181	518.368.187.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tại ngày 01/01/2015	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.481.122.933	-	-	55.481.122.933
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	5.226.409.421	-	-	5.226.409.421
Đầu tư ngắn hạn	249.019.528.798	-	-	249.019.528.798
Cho vay ngắn hạn	118.701.520.000	-	-	118.701.520.000
Đầu tư dài hạn	-	-	74.121.639.695	74.121.639.695
	428.428.581.152	-	74.121.639.695	502.550.220.847

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, Chi phí phải trả	19.326.663.293	90.000.000	-	19.416.663.293
	126.346.973	-	-	126.346.973
	19.453.010.266	90.000.000	-	19.543.010.266
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, Chi phí phải trả	8.599.391.902	90.000.000	-	8.689.391.902
	114.224.408	-	-	114.224.408
	8.713.616.310	90.000.000	-	8.803.616.310

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

26 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	17.586.214.457	6.904.103.414
	<u>17.586.214.457</u>	<u>6.904.103.414</u>

27 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 05/01/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS), địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội vì đã có hành vi vi phạm hành chính: Cho khách hàng mua chứng khoán khi không có đủ tiền theo quy định.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới, Lưu ký VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Tư vấn VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	3.676.483.901	12.895.756.738	3.641.363.638	5.343.704.445	25.557.308.722
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.707.202.512	7.915.855.050	193.931.998	2.088.505.328	11.905.494.888
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	5.257.096.148
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.969.281.389	4.979.901.688	3.447.431.640	3.255.199.117	8.394.717.686
Tài sản bộ phận trực tiếp	22.680.429.792	458.458.104.881	3.643.499.318	17.148.570.185	501.930.604.176
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	47.914.121.308
Tổng tài sản	22.680.429.792	458.458.104.881	3.643.499.318	17.148.570.185	549.844.725.484
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	19.582.796.792	-	554.545.454	-	20.137.342.246
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.348.683.079
Tổng nợ phải trả	19.582.796.792	-	554.545.454	-	21.486.025.325

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

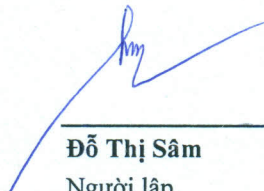
30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	635.869.999	494.735.862

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.


Đỗ Thị Sâm
Người lập


Nguyễn Thị Trang
Kế toán trưởng


Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

